Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8101.99.90

Mã HS	8101.99.90
Mô tả hàng hóa	Vonfram và các sản phẩm làm từ vonfram, kể cả phế liệu và mảnh vụn / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	02/11/2026 18:38:59
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/81019990/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12397
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12397
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q12397
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ12397
Thuế XK ưu đãi CPTPP	5	5%	115/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CM12397
Thuế XK ưu đãi EVFTA	5	5%	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP12397
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	5	5%	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS12397

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E11740
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11683
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11683
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11683
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11683
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11683
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11683
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E11735
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F11735

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G11735
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H11735
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I11735
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J11735
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E11736
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F11736
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G11736
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H11736
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I11736
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J11736
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F11739
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11689
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F11695
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G11695
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H11695
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I11695
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J11695
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K11695
VKFTA	2022	2022	0	VK!E11728
VKFTA	2023	2023	0	VK!F11728
VKFTA	2024	2024	0	VK!G11728
VKFTA	2025	2025	0	VK!H11728
VKFTA	2026	2026	0	VK!I11728
VKFTA	2027	2027	0	VK!J11728
VCFTA	2022	2022	0	VC!D11773
VCFTA	2023	2023	0	VC!E11773

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F11773
VCFTA	2025	2025	0	VC!G11773
VCFTA	2026	2026	0	VC!H11773
VCFTA	2027	2027	0	VC!I11773
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D11758
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E11758
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F11758
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G11758
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H11758
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I11758
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D11758
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E11758
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F11758
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G11758
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H11758
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I11758
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D11775
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E11775
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F11775
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G11775
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H11775
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I11775
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D11774
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E11774
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F11774
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G11774

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H11774
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I11774
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D11721
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E11721
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F11721
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G11721
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H11721
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I11721
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J11721
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D11758
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E11758
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F11758
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G11758
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H11758
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I11758
RCEP B	2022	2022	0	B!D11758
RCEP B	2023	2023	0	B!E11758
RCEP B	2024	2024	0	B!F11758
RCEP B	2025	2025	0	B!G11758
RCEP B	2026	2026	0	B!H11758
RCEP B	2027	2027	0	B!I11758
RCEP C	2022	2022	0	C!D11758
RCEP C	2023	2023	0	C!E11758
RCEP C	2024	2024	0	C!F11758
RCEP C	2025	2025	0	C!G11758
RCEP C	2026	2026	0	C!H11758

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I11758
RCEP D	2022	2022	0	D!D11757
RCEP D	2023	2023	0	D!E11757
RCEP D	2024	2024	0	D!F11757
RCEP D	2025	2025	0	D!G11757
RCEP D	2026	2026	0	D!H11757
RCEP D	2027	2027	0	D!I11757
RCEP E	2022	2022	0	E!D11761
RCEP E	2023	2023	0	E!E11761
RCEP E	2024	2024	0	E!F11761
RCEP E	2025	2025	0	E!G11761
RCEP E	2026	2026	0	E!H11761
RCEP E	2027	2027	0	E!I11761
RCEP F	2022	2022	0	F!D11758
RCEP F	2023	2023	0	F!E11758
RCEP F	2024	2024	0	F!F11758
RCEP F	2025	2025	0	F!G11758
RCEP F	2026	2026	0	F!H11758
RCEP F	2027	2027	0	F!I11758
VIFTA	2024	2024	0	VI!F10878
VIFTA	2025	2025	0	VI!G10878
VIFTA	2026	2026	0	VI!H10878
VIFTA	2027	2027	0	VI!I10878

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)		181/2025/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8101.99 có 2 dòng thuế; dòng 8101.99.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8101.99.10 Thanh và que, trừ các loại thu được từ quá trình thiêu kết; dạng hình, lá, dải và lá mỏng	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8101.99.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8101.99.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12397), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.